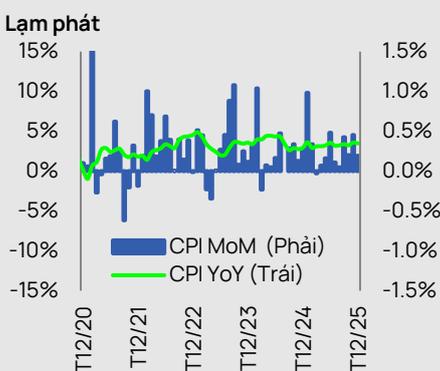
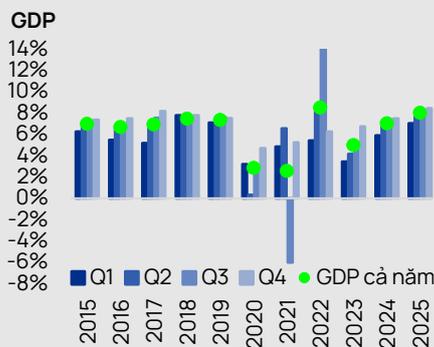


Số liệu trong tháng	T11	T12
CPI (% YoY)	3,6	3,5
Doanh thu bán lẻ (% YoY)	7,7	9,8
Chỉ số SXCN (% YoY)	9,1	10,1
KN xuất khẩu (tỷ USD)	39,1	44,1
KN nhập khẩu (tỷ USD)	38,0	44,7
Giải ngân FDI (tỷ USD)	2,3	4,0
Lợi suất TPCP 5 năm (%)	3,2	3,3
DN đăng ký mới	15.058	17.154

Dự báo Cả năm	2025	2026F
GDP danh nghĩa (tỷ USD)	514	550
GDP tăng trưởng thực (%)	8,0	8,5
CPI (%)	3,3	3,5
Tăng trưởng xuất khẩu (%)	17,0	12,0
Tăng trưởng nhập khẩu (%)	19,4	13,0
Cán cân thương mại (tỷ USD)	20,1	18,0
Tăng trưởng tín dụng (%)	17,9	17,9
Giải ngân FDI (tỷ USD)	27,6	29,0



Đào Minh Quang
Chuyên viên

Hoàng Thúy Lương
Trưởng phòng cao cấp

Tăng trưởng GDP đạt 8% trong năm 2025

GDP Việt Nam tăng 8,5% so với cùng kỳ (YoY) trong quý 4/2025 (quý 4/2024: +7,5%), đánh dấu mức cao nhất kể từ năm 2011, đưa tăng trưởng GDP cả năm 2025 lên 8,0% (2024: +7,0%). Con số này tuy thấp hơn so với mục tiêu tham vọng 8,3 - 8,5% được đề ra trong Nghị quyết 226/NQ-CP nhưng đây vẫn là kết quả rất ấn tượng khi ghi nhận mức tăng trưởng cao thứ hai kể từ năm 2011.

- Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ghi nhận mức tăng trưởng mạnh nhất trong 7 năm qua.** Trong năm 2025, IIP toàn ngành và IIP ngành sản xuất, chế biến-chế tạo lần lượt tăng 9,2% và 10,5% YoY. Đơn hàng mới tiếp tục tăng, một phần có thể hỗ trợ hoạt động sản xuất trong những tháng tới. Trong khi đó, hoạt động sản xuất có thể tiếp tục tăng trưởng trong tháng đầu tiên của năm 2026 khi các doanh nghiệp đẩy mạnh sản xuất phục vụ cho Tết Nguyên đán (bắt đầu từ ngày 17/02/2026).
- Doanh thu bán lẻ phục hồi sau bão trong tháng cuối cùng của năm 2025,** tăng 9,8% YoY trong tháng 12, sau mức tăng 7,7% trong cả tháng 10 và tháng 11 do ảnh hưởng tiêu cực của bão. Trong năm 2025, tổng doanh thu bán lẻ tăng trưởng tích cực 9,2% YoY và 6,7% nếu loại bỏ yếu tố giá. Doanh thu bán lẻ có thể tiếp tục tăng trong tháng 1/2026, nhờ nhu cầu chung tăng cao trước Tết Nguyên đán.
- Thu ngân sách Nhà nước (NSNN) đạt gần 135% mục tiêu cả năm,** với tổng thu và chi ngân sách 12 tháng lần lượt đạt 2,7 triệu tỷ VND (+29,7% YoY) và 2,4 triệu tỷ VND (+31,2% YoY), dẫn đến thặng dư NSNN 249 nghìn tỷ VND. Chúng tôi tin rằng Chính phủ sẽ tiếp tục đẩy mạnh đầu tư công trong năm 2026 và chi tiêu tài khóa sẽ tiếp tục là một trong các động lực chính hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng GDP 10%.
- Vốn FDI giải ngân đạt mức cao nhất kể từ năm 2012,** tăng 9,0% YoY, đạt 27,6 tỷ USD trong năm 2025, trong khi vốn FDI đăng ký tăng nhẹ 0,5%, đạt 38,4 tỷ USD. Chúng tôi kỳ vọng Việt Nam có thể duy trì sức hấp dẫn đối với dòng vốn FDI, nhờ các lợi thế cơ bản và việc nâng cấp quan hệ ngoại giao gần đây giữa Việt Nam và nhiều quốc gia, trong khi mức thuế quan đối ứng 20% của Mỹ đối với Việt Nam là tương đương hoặc thấp hơn so với các quốc gia cạnh tranh.
- Kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu đạt mức kỷ lục trong tháng 12.** Năm 2025, kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu tăng mạnh 17,0% và 19,4%, lần lượt đạt 475,1 tỷ USD và 455,0 tỷ USD, dẫn đến thặng dư thương mại 20,1 tỷ USD. Báo cáo PMI mới nhất cho thấy đơn hàng xuất khẩu mới giảm lần đầu tiên trong 3 tháng, có thể là tín hiệu cho hoạt động xuất khẩu giảm trong ngắn hạn. Tuy nhiên, xuất khẩu sang Trung Quốc có thể tăng trong tháng 1 do nhu cầu tăng cao trước Tết.
- Giá thực phẩm tăng trước các kỳ nghỉ lễ cuối năm đã thúc đẩy lạm phát tháng 12.** CPI tháng 12 tăng 0,19% so với tháng trước (MoM) và 3,48% YoY, đưa CPI bình quân năm 2025 lên 3,31%. Trong tháng 1, nhu cầu tiêu dùng chung trước Tết, nhu cầu lương thực, thực phẩm, dịch vụ ăn uống và du lịch có thể gây thêm áp lực lên lạm phát.
- Tỷ giá USD/VND giảm trong tháng cuối năm.** Tỷ giá USD/VND giảm 0,3% MoM trong tháng 12 và tăng 3,1% YoY trong năm 2025. Trong tháng 1, tỷ giá USD/VND có thể được hỗ trợ nhờ các yếu tố mùa vụ, bao gồm nguồn cung ngoại tệ từ kiều hối trước kỳ nghỉ Tết và nhu cầu thanh khoản VND tăng cao trong giai đoạn cận Tết.

GDP

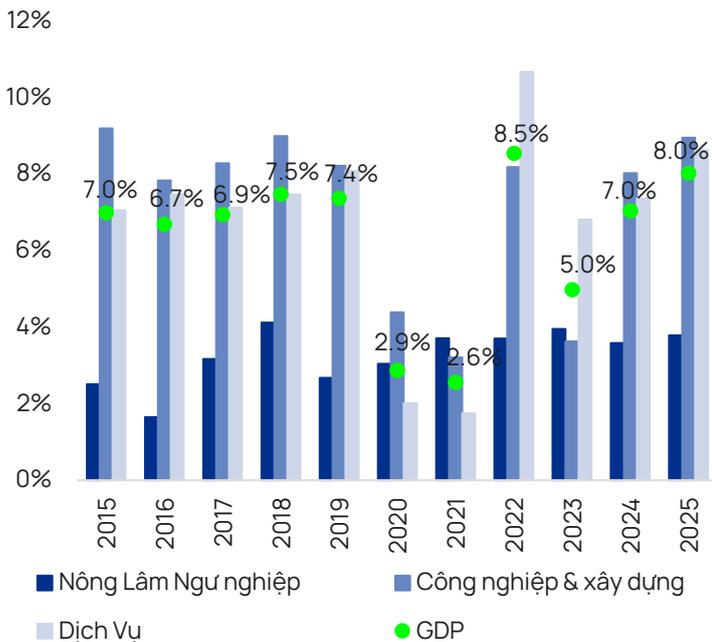
Tăng trưởng GDP quý 4 đạt mức cao nhất kể từ năm 2011

Theo Cục Thống kê, GDP của Việt Nam tăng 8,5% YoY trong quý 4/2025 (quý 4/2024: +7,5% YoY) – mức cao nhất kể từ năm 2011, đưa tăng trưởng GDP cả năm 2025 lên 8,0% YoY (2024: +7,0% YoY). Con số này thấp hơn một chút so với dự báo tăng trưởng GDP năm 2025 của chúng tôi và thấp hơn mục tiêu tham vọng 8,3 - 8,5% được đề ra trong Nghị quyết 226/NQ-CP, nhưng kết quả vẫn rất ấn tượng ở mức 8,0%, đánh dấu tốc độ tăng trưởng cao thứ hai kể từ năm 2011 (chỉ thấp hơn mức tăng trưởng 8,54% YoY của năm 2022).

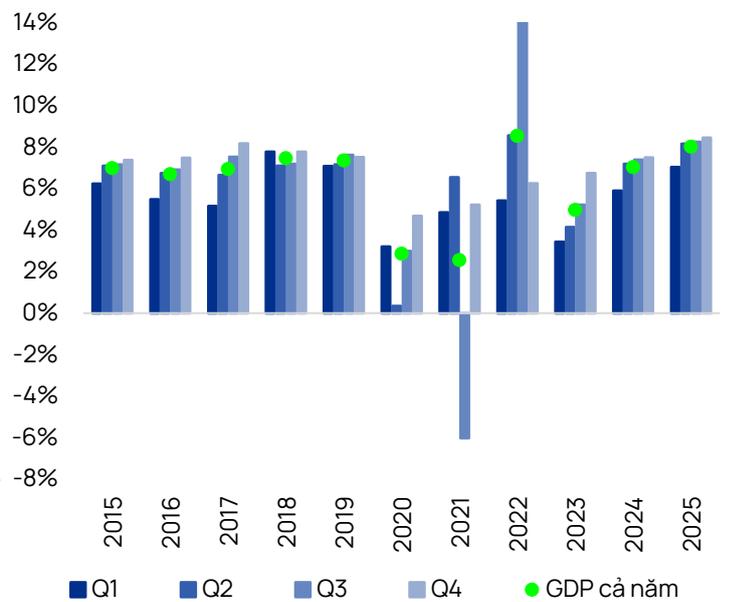
Kết quả hoạt động của ba khu vực kinh tế chính trong năm 2025 như sau:

- Khu vực Dịch vụ tiếp tục là động lực chính, tăng 8,82% YoY trong quý 4 và 8,62% YoY trong năm 2025 (quý 4/2024: +8,04% YoY & 2024: +7,36% YoY) và đóng góp 51,1% vào tăng trưởng GDP năm 2025. Trong khu vực Dịch vụ, tất cả các phân ngành đều ghi nhận tăng trưởng, bao gồm hoạt động hành chính & dịch vụ hỗ trợ (+13,3% YoY), hoạt động văn hóa & thể thao (+11,3% YoY), vận tải kho bãi (+11,0% YoY), dịch vụ lưu trú & ăn uống (+10,0% YoY), và quản lý Nhà nước (+9,8% YoY).
- Khu vực Công nghiệp và Xây dựng ghi nhận mức tăng trưởng cao nhất trong ba khu vực với 9,73% YoY trong quý 4 và 8,95% YoY trong năm 2025 (quý 4/2024: +8,39% YoY & 2024: +8,02% YoY), đóng góp 43,6%. Tương tự như khu vực Dịch vụ, tất cả các phân ngành đều tăng trưởng, dẫn đầu là sản xuất, chế biến & chế tạo (+9,97% YoY) và xây dựng (+9,62% YoY).
- Khu vực Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản tăng trưởng vững chắc, tăng 3,7% YoY trong quý 4/2025 (quý 4/2024: +3,18% YoY) và 3,78% YoY trong năm 2025 (2024: +3,58% YoY).

Hình 1: Tăng trưởng GDP theo khu vực



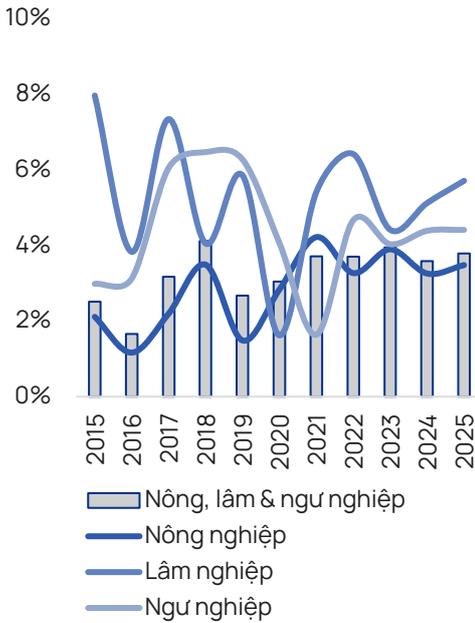
Hình 2: Tăng trưởng GDP theo quý



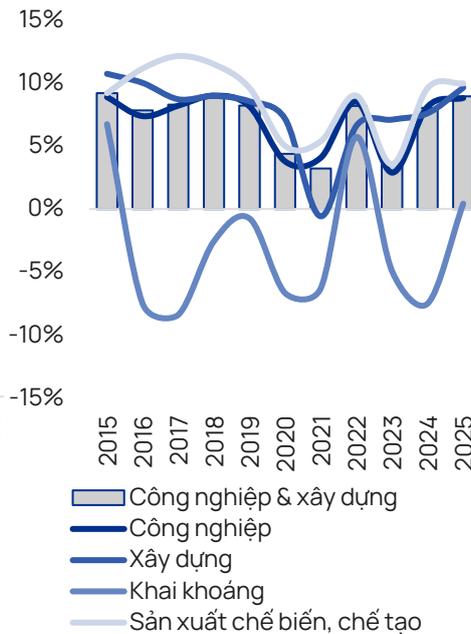
Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

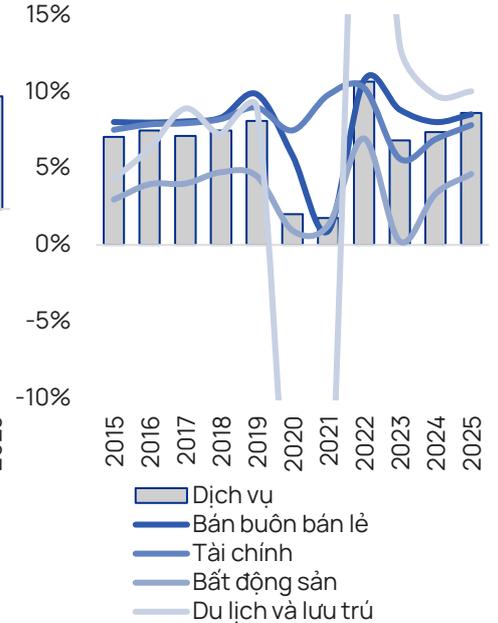
Hình 3: Tăng trưởng GDP Nông nghiệp, Lâm nghiệp & Thủy sản



Hình 4: Tăng trưởng GDP Công nghiệp & Xây dựng



Hình 5: Tăng trưởng GDP Dịch vụ



Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Triển vọng: Chúng tôi duy trì dự báo tăng trưởng GDP năm 2026 ở mức 8,5% như đã nêu trong [Báo cáo Chiến lược Đầu tư năm 2026](#) công bố ngày 08/12/2025.

Chúng tôi kỳ vọng tăng trưởng kinh tế năm 2026 sẽ được hỗ trợ bởi:

1) Định hướng chính sách nhằm hỗ trợ tăng trưởng:

- **Hoàn thiện thể chế:** Kỳ họp thứ 10 Quốc hội đã thông qua 51 luật và 30 nghị quyết, số lượng lớn nhất từng được ghi nhận, đánh dấu bước tiến lớn trong cải cách thể chế. Những nỗ lực này nhằm củng cố khung pháp lý, giảm bớt rào cản quy định và hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng tham vọng giai đoạn 2026-2030.
- **Mở rộng chi tiêu tài khóa:** Đầu tư công năm 2026 dự kiến tăng 9,2% so với ước tính năm 2025, với dư địa để chi tiêu thêm như đã ghi nhận trong năm 2025. Nợ công dự kiến vẫn ở mức kiểm soát được là 36%-37% GDP vào năm 2026 (theo Bộ Tài chính), thấp hơn đáng kể so với trần quy định 60%, tạo dư địa cho các gói kích thích tài khóa bổ sung.
- **Chính sách tiền tệ nới lỏng:** NHNN dự kiến sẽ duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng trong năm 2026 để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.

2) Nâng cao hiệu quả và vai trò chủ đạo của khu vực kinh tế Nhà nước: Tổng Bí thư Tô Lâm đã ban hành Nghị quyết 79 về phát triển khu vực kinh tế Nhà nước, tạo tiền đề cho việc triển khai các nghị định, thông tư và biện pháp chính sách tiếp theo trong thời gian tới. Nghị quyết phát đi tín hiệu tích cực về việc củng cố khu vực kinh tế Nhà nước như một động lực tăng trưởng, định hướng này sẽ mang lại lợi ích cho các doanh nghiệp Nhà nước (DNNN) có vị thế chiến lược.

3) Mở rộng đầu tư vào khu vực tư nhân: Chúng tôi kỳ vọng các Nghị quyết 68-NQ/TW và 198/2025/QH15, cùng với các biện pháp hỗ trợ của Chính phủ, sẽ giúp khơi thông nguồn lực từ khu vực tư nhân, vốn có thể đóng vai trò là động lực chính của tăng trưởng kinh tế.

4) Tiêu dùng tiếp tục cải thiện: Tiêu dùng dự kiến sẽ phục hồi dần, được hỗ trợ bởi hoạt động sản xuất tăng trưởng mạnh hơn, từ đó tạo thêm việc làm và cải thiện thu nhập. Ngoài ra, Chính phủ đã đưa ra một số biện pháp bao gồm tăng lương tối thiểu vùng thêm 7,2% ở khu vực tư nhân, khả năng tăng lương khu vực công (theo đề xuất của Bộ Nội vụ), nâng mức giảm trừ gia cảnh thuế thu nhập cá nhân, giảm 2% thuế GTGT và các chính sách khác nhằm hỗ trợ tiêu dùng.

5) Năng lực cạnh tranh xuất khẩu vẫn được duy trì: Thuế đối ứng của Mỹ đối với Việt Nam ở mức 20%, so với mức trung bình 26% của các quốc gia cạnh tranh/quốc gia cạnh tranh tiềm năng (trừ Trung Quốc). Bên cạnh đó, các lợi thế về cơ cấu của Việt Nam sẽ hỗ trợ tăng trưởng xuất khẩu bền vững và duy trì dòng vốn FDI trong trung hạn.

Rủi ro đối với dự báo của chúng tôi:

1. Giải ngân đầu tư công thấp hơn kỳ vọng.
2. Sự phục hồi toàn cầu chậm hơn – đặc biệt là tại Mỹ và Trung Quốc – có thể gây áp lực lên xuất khẩu, sản xuất và du lịch.
3. Chính sách thương mại của Mỹ kém thuận lợi hơn đối với Việt Nam hoặc thuận lợi hơn đối với Trung Quốc.
4. Tác động mạnh hơn dự kiến của biến đổi khí hậu có thể ảnh hưởng tiêu cực đến ngành nông nghiệp Việt Nam.

Yếu tố hỗ trợ đối với dự báo của chúng tôi:

1. Kích thích tài khóa mạnh hơn dự kiến.
2. Kinh tế toàn cầu, đặc biệt là Mỹ và Trung Quốc, phục hồi mạnh hơn có thể hỗ trợ thêm cho xuất khẩu và sản xuất.
3. Quan điểm chính sách thương mại của Mỹ thuận lợi hơn đối với Việt Nam.

Sản xuất Công nghiệp

Sản xuất ghi nhận mức tăng trưởng mạnh nhất trong 7 năm

Trong tháng 12, chỉ số IIP tăng 10,1% YoY (tháng 12/2024: +8,8% YoY), trong đó IIP ngành sản xuất, chế biến & chế tạo tăng mạnh 10,9% YoY (tháng 12/2024: +10,2% YoY). Kết quả này đưa mức tăng trưởng IIP toàn ngành và IIP ngành sản xuất, chế biến & chế tạo trong năm 2025 lên lần lượt 9,2% YoY (2024: +8,3% YoY) (mức cao nhất trong 7 năm qua) và 10,5% YoY (2024: +9,6% YoY).

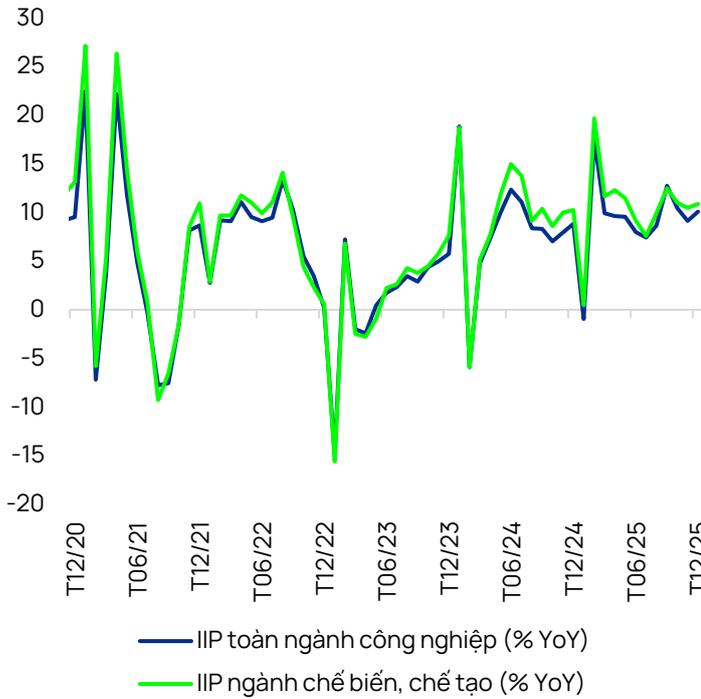
Trong năm 2025, tất cả các phân ngành sản xuất, chế biến & chế tạo đều báo cáo tăng trưởng (một nửa trong số đó đạt mức tăng trưởng 2 con số); trong đó, sản xuất phương tiện cơ giới (+22,0% YoY), sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác (+16,2% YoY), sản phẩm từ cao su và nhựa (+15,7% YoY), và kim loại (+15,4% YoY) ghi nhận mức tăng trưởng mạnh nhất.

Hình 6: Tăng trưởng IIP theo ngành trong tháng 12/2025

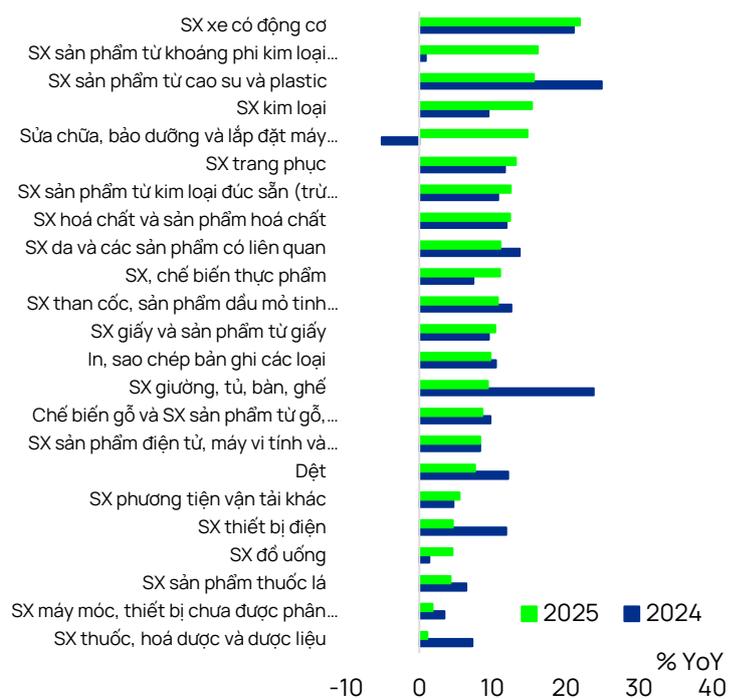
	MoM	YoY	2025 so với 2024
Toàn ngành	2,2%	10,1%	9,2%
Khai khoáng	0,8%	0,2%	0,5%
SX chế biến chế tạo	1,8%	10,9%	10,5%

Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Hình 7: Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) theo tháng



Hình 8: IIP sản xuất chế biến chế tạo



Nguồn: Cục Thống kê, Cục Hải quan, Vietcap

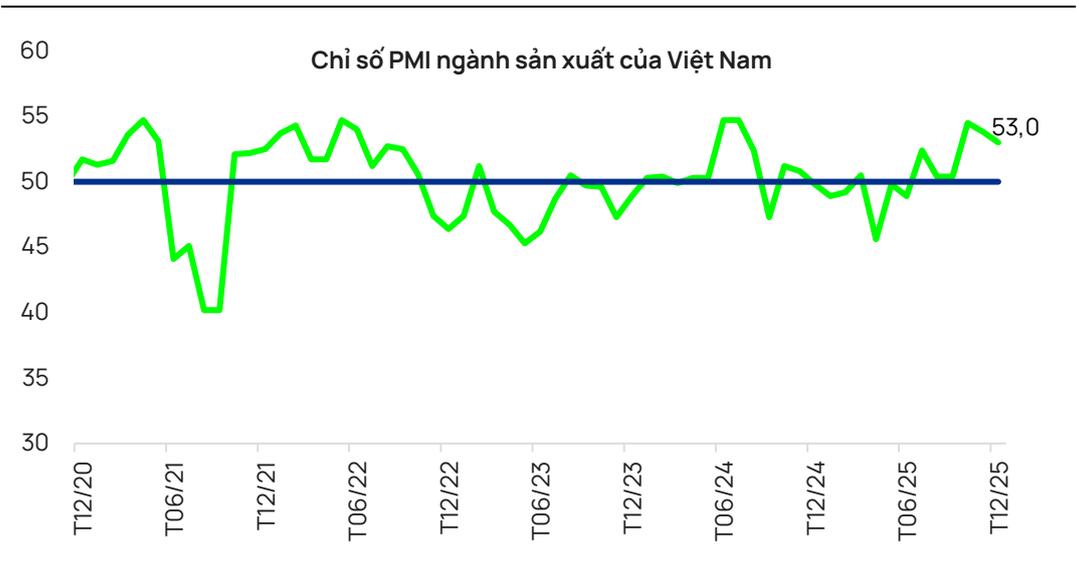
Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Ngành sản xuất Việt Nam duy trì đà tăng trưởng

Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (PMI) ngành sản xuất Việt Nam của S&P Global khép lại năm ở mức 53 điểm (so với 53,8 điểm trong tháng 11), cho thấy các điều kiện của lĩnh vực sản xuất tiếp tục được cải thiện.

Đà tăng trưởng sản lượng được duy trì trong 8 tháng liên tiếp, trong khi số lượng đơn hàng mới tăng tháng thứ 4 liên tiếp, nhờ nhu cầu từ khách hàng tăng. Mức tăng trong sản lượng và số lượng đơn hàng đã thúc đẩy hoạt động tuyển dụng và mua hàng. Đáng chú ý, tâm lý kinh doanh đạt mức cao nhất trong 21 tháng, cho thấy triển vọng hoạt động sản xuất có thể được hỗ trợ tích cực trong thời gian tới.

Hình 9: Chỉ số Nhà quản trị mua hàng (PMI)



Nguồn: S&P Global, Vietcap

Triển vọng: Số lượng đơn hàng mới tiếp tục tăng (như được ghi nhận trong báo cáo PMI tháng 12), yếu tố này có thể hỗ trợ một phần cho hoạt động sản xuất trong những tháng tới. Ngoài ra, các doanh nghiệp đang đẩy mạnh sản xuất trong tháng đầu tiên của năm 2026 để chuẩn bị cho dịp Tết (bắt đầu từ ngày 17/02/2026).

Hình 10: Chỉ số PMI của Việt Nam và một số quốc gia ASEAN khác

	T01 -25	T02 -25	T3 -25	T4 -25	T5 -25	T06 -25	T07 -25	T08 -25	T09 -25	T10 -25	T11 -25	T12- 25
Việt Nam	48,9	49,2	50,5	45,6	49,8	48,9	52,4	50,4	50,4	54,5	53,8	53,0
Philippines	52,3	51,0	49,4	53,0	50,1	50,7	50,9	50,8	49,9	50,1	47,4	50,2
Myanmar	47,4	48,5	49,8	45,4	47,6	49,0	49,5	50,4	53,1	51,5	51,4	50,6
Thái Lan	49,6	50,6	49,9	49,5	51,2	51,7	51,9	52,7	54,6	56,6	56,8	57,4
Indonesia	51,9	53,6	52,4	46,7	47,4	46,9	49,2	51,5	50,4	51,2	53,3	51,2
Malaysia	48,7	49,7	48,8	48,6	48,8	49,3	49,7	49,9	49,8	49,5	50,1	50,1
ASEAN	50,4	51,5	50,8	48,7	49,2	48,6	50,1	51,0	51,6	52,7	53,0	52,7

Nguồn: S&P Global, Vietcap tổng hợp

Tiêu dùng

Doanh thu bán lẻ phục hồi trong tháng cuối cùng của năm 2025 sau bão

Sau khi chịu ảnh hưởng bởi các cơn bão lớn trong tháng 10 và tháng 11 (doanh thu bán lẻ tăng khoảng 7,7% YoY trong cả 2 tháng này, thấp hơn mức trung bình 9,6% của 9T 2025), doanh thu bán lẻ đã phục hồi vững chắc với mức tăng 9,8% YoY trong tháng 12 (tháng 12/2024: +9,5% YoY). Sự phục hồi trong tháng 12 có thể được quy cho: (1) hoạt động thương mại phục hồi và các hoạt động tái thiết tại một số tỉnh thành sau bão; (2) lượng khách quốc tế tiếp tục duy trì đà tăng mạnh; và (3) nhu cầu chung tăng cao trong dịp Giáng sinh và Năm mới.

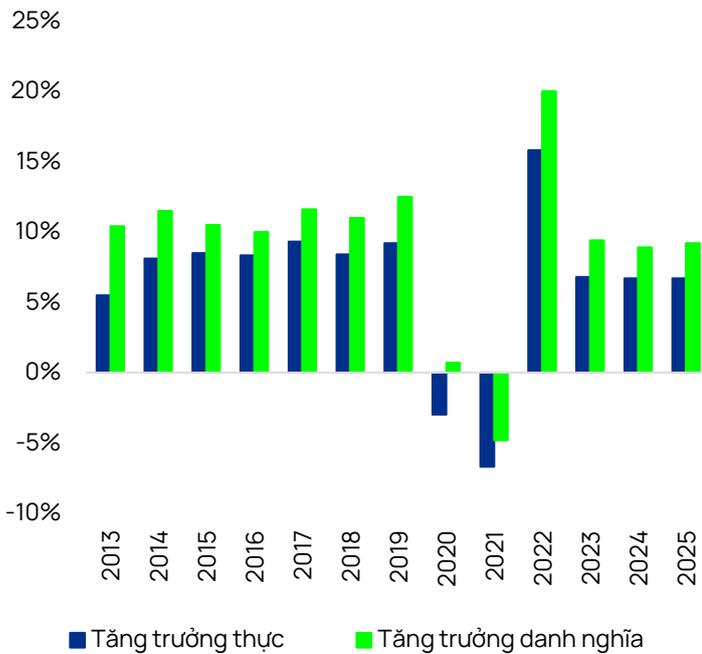
Trong năm 2025, tổng doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tăng trưởng 9,2% YoY (2024: +8,9% YoY) và 6,7% YoY (2024: +6,7% YoY) nếu loại trừ yếu tố giá. Trong cơ cấu tổng doanh thu bán lẻ năm 2025, doanh thu bán lẻ hàng hóa (chiếm 76%) tăng 8,0% YoY, chủ yếu được hỗ trợ bởi doanh thu bán lẻ lương thực, thực phẩm (+9,8% YoY), hàng may mặc (+8,4% YoY) và đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình (+8,0% YoY). Ngoài ra, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành tăng mạnh, lần lượt đạt 14,6% YoY và 20,2% YoY, nhờ sự tăng trưởng mạnh của lượng khách quốc tế trong năm 2025.

Đáng chú ý, tổng lượng khách quốc tế Việt Nam tăng 15,7% YoY lên 2,0 triệu lượt trong tháng 12, đưa tổng lượng khách quốc tế cả năm 2025 đạt 21,2 triệu lượt (+20,4% YoY) – tương đương 117,5% mức trước đại dịch (khách Trung Quốc: 91,0%; khách từ các quốc gia khác: 130,2%). Lượng khách quốc tế năm 2025 cũng đã hoàn thành khoảng 92,2% mục tiêu của Chính phủ.

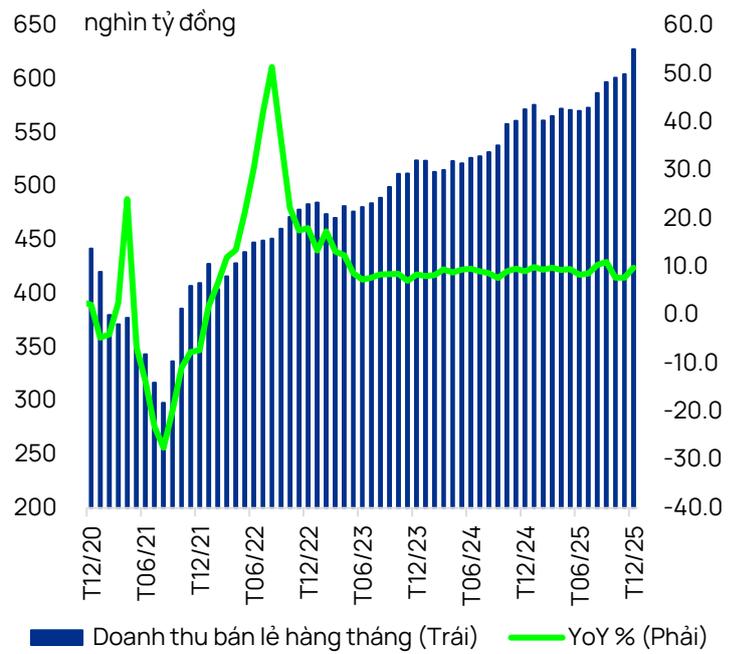
Triển vọng: Doanh thu bán lẻ có thể tiếp tục mở rộng trong tháng đầu tiên của năm 2026, được hỗ trợ bởi nhu cầu mùa vụ trước Tết Nguyên đán. Bên cạnh đó, nhu cầu tuyển dụng và việc làm thời vụ thường gia tăng trước Tết, điều này có thể góp phần hỗ trợ tiêu dùng trước kỳ nghỉ lễ.

Đối với năm 2026, chúng tôi kỳ vọng tiêu dùng nội địa sẽ tiếp tục đà tăng khi ngành sản xuất và du lịch quốc tế phục hồi mạnh hơn (Chính phủ đặt mục tiêu đón khoảng 25 triệu lượt khách quốc tế năm 2026) có thể thúc đẩy thu nhập hộ gia đình, qua đó củng cố niềm tin và chi tiêu tiêu dùng. Ngoài ra, Chính phủ có thể tăng cường các chính sách an sinh xã hội (như miễn học phí hoặc khám sức khỏe định kỳ miễn phí cho toàn dân) và thúc đẩy thêm các hoạt động văn hóa, giải trí để kích cầu tiêu dùng.

Hình 11: Doanh thu bán lẻ, YoY



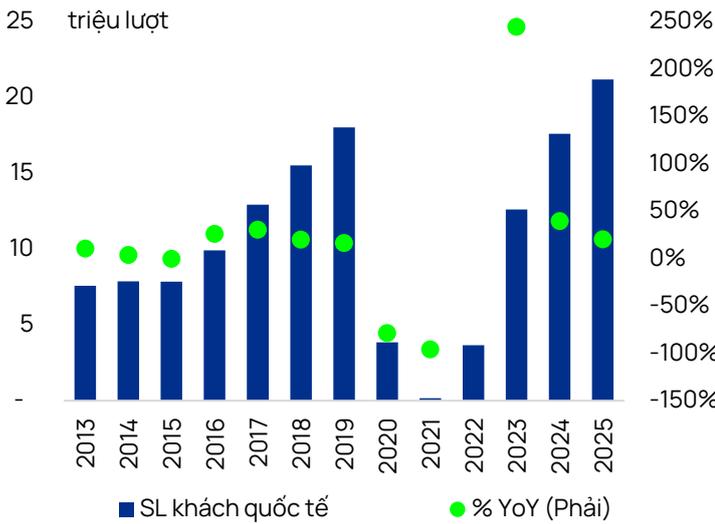
Hình 12: Doanh thu bán lẻ hàng tháng



Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Hình 13: Lượng khách quốc tế



Hình 14: Lượng khách quốc tế hàng tháng

	T12/2025 so với T12/2019	2025 so với 2019
Tổng lượng khách quốc tế	118,2%	117,5%
Trung Quốc	87,3%	91,0%
Ngoại trừ Trung Quốc	133,2%	130,2%

Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Ngân sách Nhà nước

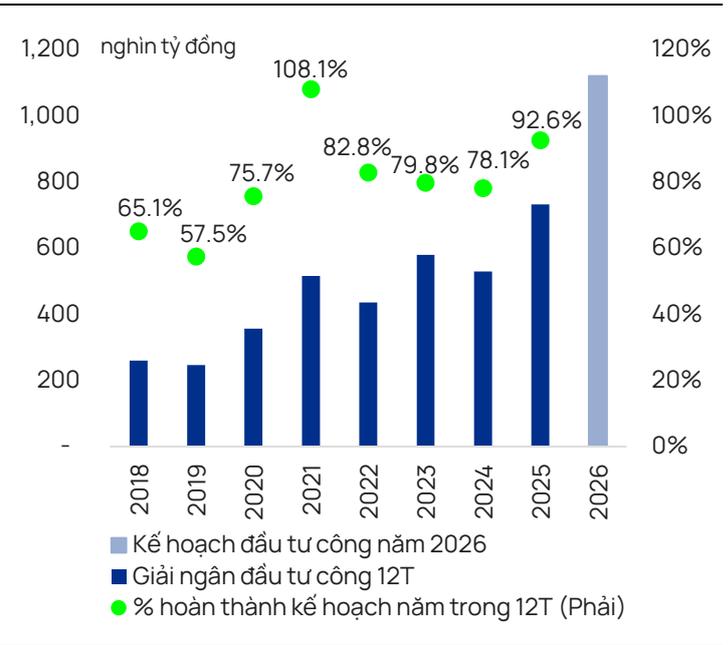
Thu NSNN đạt gần 135% mục tiêu cả năm

Theo Bộ Tài chính, thu NSNN năm 2025 tăng mạnh 29,7% YoY, đạt 2.650 nghìn tỷ đồng, hoàn thành gần 135% mục tiêu cả năm. Kết quả vượt trội này chủ yếu được thúc đẩy bởi thu nội địa với mức tăng 33,2% YoY, đạt 2.280 nghìn tỷ đồng, hoàn thành gần 137% mục tiêu năm. Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu cũng tăng trưởng tốt ở mức 18,2% YoY, đạt 320 nghìn tỷ đồng (136% mục tiêu), trong khi thu từ dầu thô giảm 18,2% YoY, đạt 48 nghìn tỷ đồng.

Hình 15: Cơ cấu Ngân sách Nhà nước

Đơn vị: Nghìn tỷ đồng	12T 2025	% kế hoạch năm	YoY %
Thu ngân sách	2.650,1	134,7%	29,7%
Thu trong nước	2.279,9	136,7%	33,2%
Thu từ dầu thô	48,0	90,1%	-18,2%
Thu từ xuất nhập khẩu	319,8	136,1%	18,2%
Khác	2,4		
Chi ngân sách	2.401,5	93,2%	31,2%
Chi thường xuyên	1.553,0	97,2%	30,4%
Chi đầu tư phát triển	732,0	92,6%	38,3%
Chi trả nợ lãi	109,4	99,0%	1,0%
Khác	7,1		
Cán cân ngân sách	248,6		

Hình 16: Giải ngân đầu tư công theo năm



Nguồn: Bộ Tài chính, Cục Thống kê, Vietcap tổng hợp

Nguồn: Bộ Tài chính, Vietcap

Chi NSNN tăng mạnh 31,2% YoY, đạt 2.402 nghìn tỷ đồng trong năm 2025. Trong đó, chi đầu tư phát triển tăng mạnh 38,3% YoY, đạt 732 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 92,6% kế hoạch năm do Quốc hội giao (so với mức trung bình 12 tháng giai đoạn 2020–2024 là 84,9%) và đạt 83,7% kế hoạch điều chỉnh (điều chỉnh ngày 02/02/2025). Đáng chú ý, giải ngân vốn đầu tư công tăng mạnh trong tháng cuối năm, đạt 178,7 nghìn tỷ đồng vào tháng 12 – cao hơn đáng kể so với mức trung bình 11T 2025 là 50 nghìn tỷ đồng. Trong khi đó, chi thường xuyên cũng tăng 30,4% YoY, đạt 1.553 nghìn tỷ đồng, đạt 97% mục tiêu cả năm.

Theo đó, thặng dư NSNN lũy kế đạt 249 nghìn tỷ đồng trong 12T 2025, tăng so với mức 207 nghìn tỷ đồng của cùng kỳ năm 2024. Tuy nhiên, cân đối ngân sách cả năm thường sẽ chuyển sang thâm hụt trong các báo cáo sau đó, khi khối lượng đầu tư công thực hiện được chuyển đổi thành giải ngân thực tế.

Triển vọng: Chúng tôi cho rằng Chính phủ sẽ tiếp tục đẩy mạnh đầu tư công trong năm 2026 và chi tiêu tài khóa sẽ tiếp tục là động lực then chốt hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng GDP tham vọng là 10%. Chính phủ đã đặt mục tiêu chi đầu tư phát triển ở mức 1.120 nghìn tỷ đồng, cao hơn 28% so với kế hoạch năm 2025 và cao hơn 9,2% so với mức giải ngân ước tính của Bộ Tài chính.

FDI

Vốn FDI giải ngân đạt mức cao nhất kể từ năm 2012

Vốn FDI giải ngân đạt 4,0 tỷ USD (+9,5% YoY) trong tháng 12 và 27,6 tỷ USD (+9,0% YoY) trong cả năm 2025 – cả hai đều chạm mức cao nhất tính theo tháng và theo năm kể từ khi dữ liệu được ghi nhận từ năm 2012. Trong khi đó, vốn FDI đăng ký giảm 31,0% YoY, đạt 4,7 tỷ USD trong tháng 12. Tuy nhiên, tính chung cả năm 2025, vốn FDI đăng ký vẫn tăng nhẹ 0,5% YoY, đạt 38,4 tỷ USD – mức cao thứ hai kể từ năm 2012 (chỉ thấp hơn mức 39,4 tỷ USD của năm 2023).

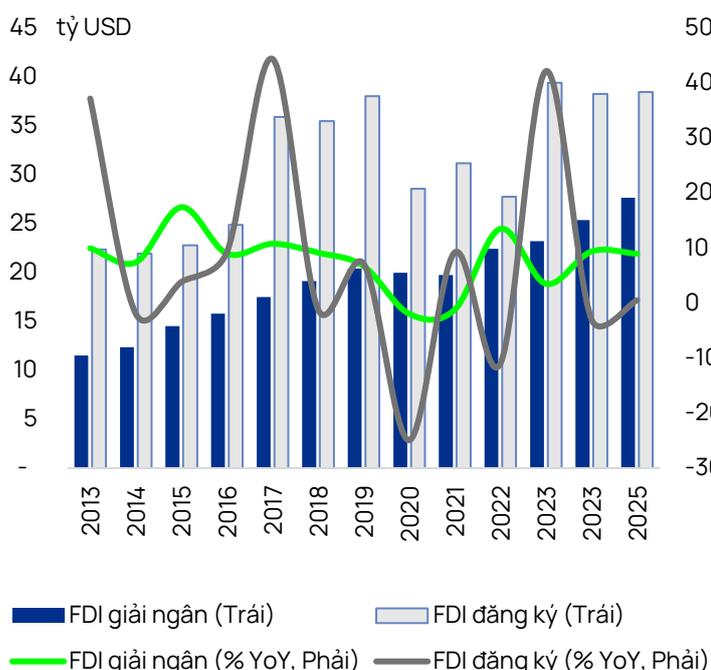
Xét về cơ cấu vốn đăng ký, ngành sản xuất, chế biến & chế tạo (21,0 tỷ USD) là lĩnh vực hấp dẫn nhất, chiếm 54,7% tổng vốn FDI cam kết trong năm 2025. Ngành bất động sản đứng thứ hai với 7,1 tỷ USD, chiếm 18,5% tổng vốn.

Về đối tác đầu tư theo quốc gia/vùng lãnh thổ, Singapore dẫn đầu với 9,4 tỷ USD, chiếm 24,5% tổng vốn đăng ký. Tiếp theo là Trung Quốc (5,7 tỷ USD; 14,8%), Hàn Quốc (5,3 tỷ USD; 13,8%) và Nhật Bản (3,7 tỷ USD; 9,7%).

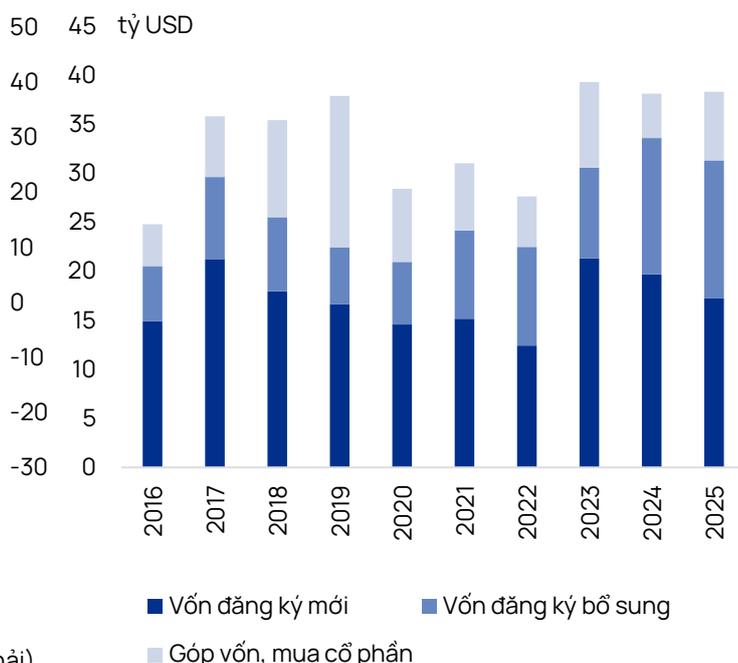
Triển vọng: Chúng tôi tin rằng Việt Nam có thể duy trì sức hấp dẫn đối với dòng vốn FDI, được hỗ trợ bởi: (1) Các lợi thế nền tảng của Việt Nam (bao gồm vị trí địa lý, các hiệp định thương mại tự do (FTA) và chi phí lao động cạnh tranh, v.v.); (2) Mức thuế đối ứng 20% của Mỹ đối với Việt Nam là tương đương hoặc thấp hơn so với các quốc gia cạnh tranh và quốc gia cạnh tranh tiềm năng; và (3) Việc nâng cấp quan hệ ngoại giao gần đây giữa Việt Nam và nhiều quốc gia. Trong khi đó, chúng tôi hiện dự báo giải ngân vốn FDI của Việt Nam có thể tăng trưởng 7,0%/năm trong giai đoạn 2026/2027.

Lưu ý: Quốc gia cạnh tranh và quốc gia cạnh tranh tiềm năng bao gồm các nước Đông Nam Á (trừ Brunei và Singapore), cùng với Ấn Độ, Bangladesh, Mexico và Trung Quốc.

Hình 17: Tăng trưởng FDI đăng ký và giải ngân



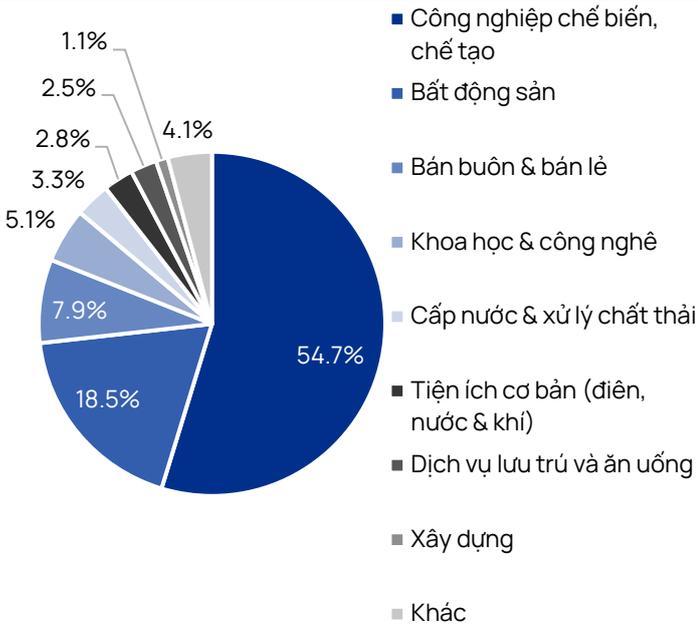
Hình 18: FDI đăng ký theo loại hình



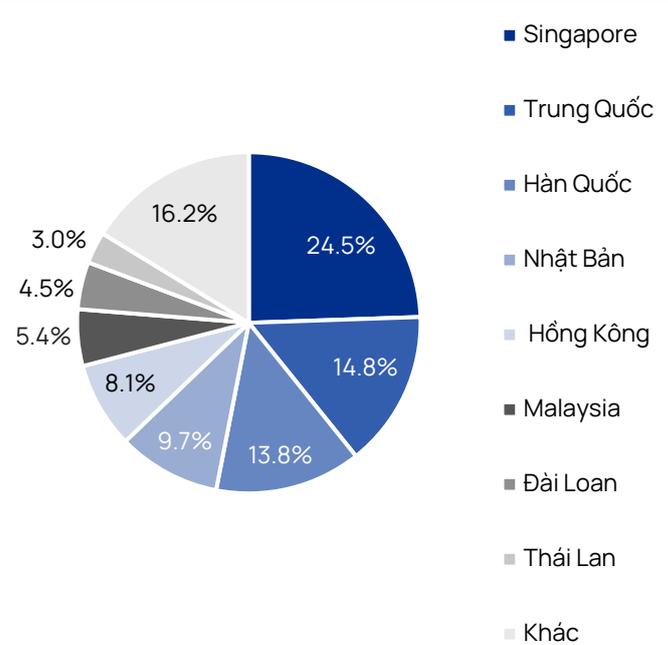
Nguồn: Bộ Tài chính, Vietcap

Nguồn: Bộ Tài chính, Vietcap

Hình 19: FDI đăng ký theo ngành trong năm 2025



Hình 20: FDI đăng ký theo quốc gia/khu vực trong năm 2025



Nguồn: Bộ Tài chính, Vietcap

Nguồn: Bộ Tài chính, Vietcap

Hoạt động thương mại

Kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu đạt mức kỷ lục trong tháng 12

Theo số liệu từ Cục Hải quan, cả kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu đều ghi nhận những con số ấn tượng trong tháng cuối cùng của năm 2025, với mức tăng trưởng 23,9% YoY và 27,7% YoY, lần lượt đạt 44,1 tỷ USD và 44,7 tỷ USD. Đây đều là các mức cao nhất từng được ghi nhận, dẫn đến thâm hụt thương mại 637 triệu USD trong tháng. Kết quả này đưa tổng kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu năm 2025 lên 475,1 tỷ USD (+17,0% YoY) và 455,0 tỷ USD (+19,4% YoY), tương ứng với thặng dư thương mại 20,1 tỷ USD (so với mức thặng dư 24,9 tỷ USD ghi nhận trong năm 2024).

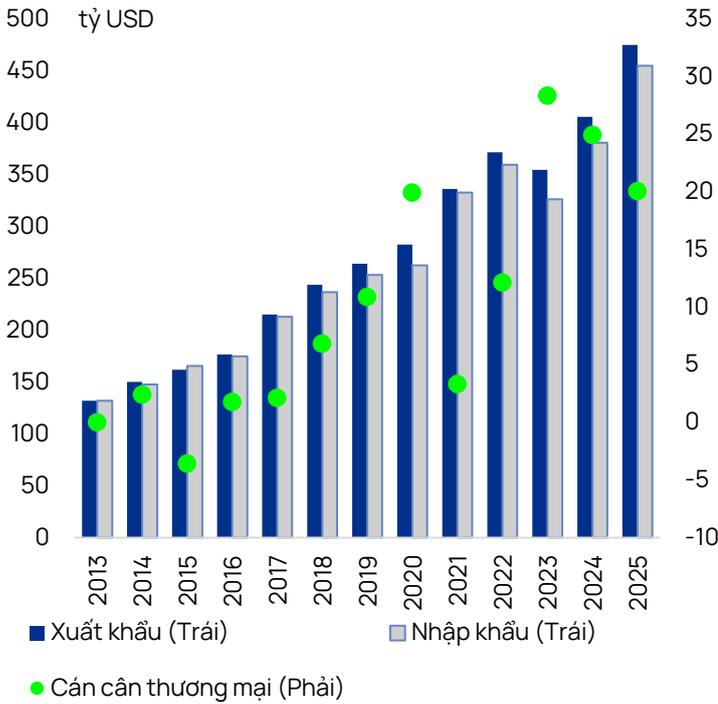
Trong năm 2025, tất cả các nhóm hàng xuất khẩu chính đều ghi nhận tăng trưởng. Trong đó, máy tính & linh kiện điện tử là nhóm hàng xuất khẩu lớn nhất, đạt 107,7 tỷ USD, tăng 48,4% YoY và chiếm 22,7% tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2025. Tiếp theo là máy móc & thiết bị (59,0 tỷ USD; +13,2% YoY; chiếm 12,4%) và điện thoại & linh kiện (56,7 tỷ USD; +5,2% YoY; chiếm 11,9%).

Ở chiều nhập khẩu, 3 nhóm hàng đứng đầu là: máy tính & linh kiện điện tử đạt 150,7 tỷ USD (+40,7% YoY), máy móc & thiết bị đạt 61,0 tỷ USD (+24,8% YoY), và vải các loại đạt 15,2 tỷ USD (+1,9% YoY).

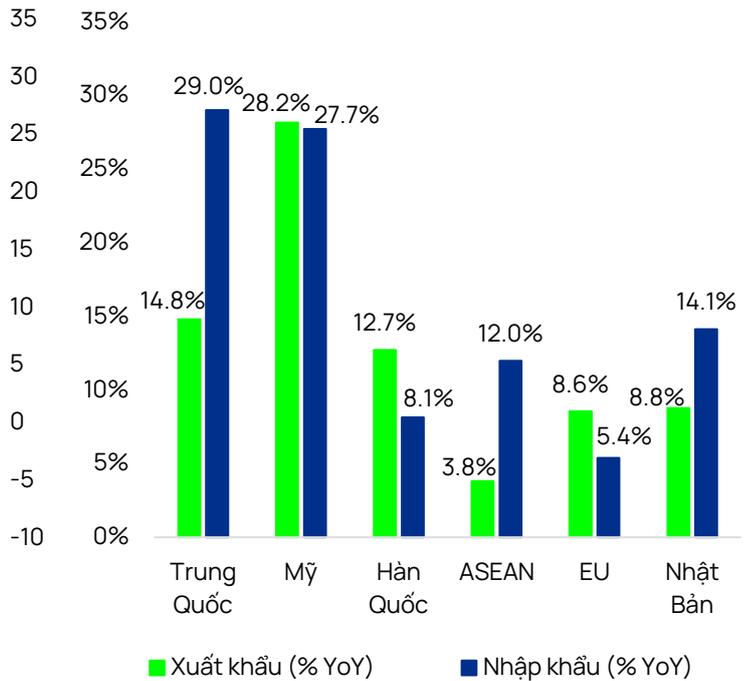
Về thị trường, Mỹ tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam trong tháng 12 với mức tăng 36,7% YoY, đạt 14,4 tỷ USD – mức cao nhất theo tháng từng được ghi nhận. Trong cả năm 2025, Mỹ vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, đạt 153,2 tỷ USD (+28,2% YoY). Tiếp theo là Trung Quốc (70,5 tỷ USD; +14,8% YoY) và EU (56,2 tỷ USD; +8,6% YoY). Trong khi đó, nhập khẩu từ Trung Quốc – thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam – tăng mạnh 29,0% YoY, đạt 186,0 tỷ USD, trong khi Hàn Quốc đứng thứ hai với 60,5 tỷ USD (+8,1% YoY).

Triển vọng: Báo cáo PMI mới nhất cho thấy số lượng đơn hàng xuất khẩu mới giảm lần đầu tiên trong 3 tháng, có thể là tín hiệu cho hoạt động xuất khẩu giảm trong ngắn hạn. Tuy nhiên, xuất khẩu sang Trung Quốc có thể tăng trong tháng 1 do nhu cầu gia tăng trước dịp Tết.

Hình 21: Kim ngạch XNK và cán cân thương mại



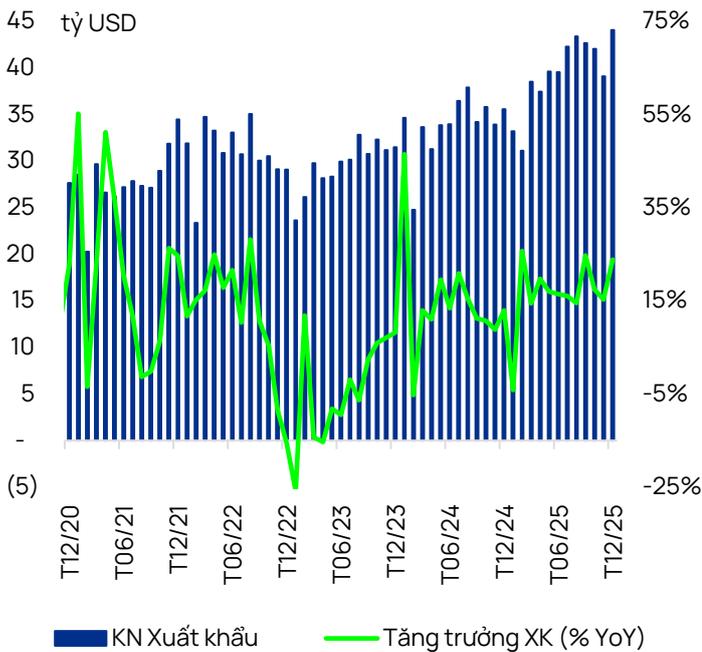
Hình 22: Các thị trường XNK chính trong năm 2025



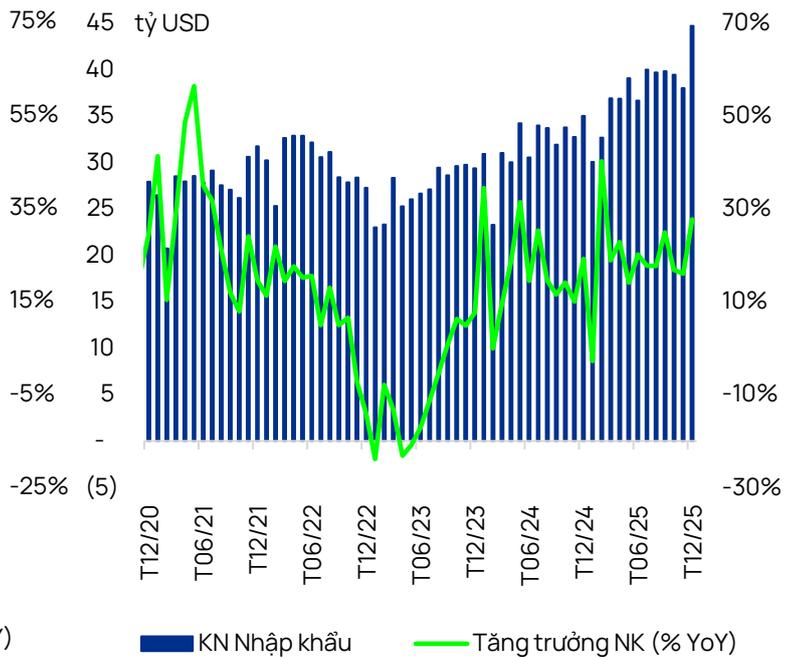
Nguồn: Cục Hải quan, Cục Thống kê, Vietcap

Nguồn: Cục Hải quan, Cục Thống kê, Vietcap

Hình 23: Xuất khẩu hàng tháng



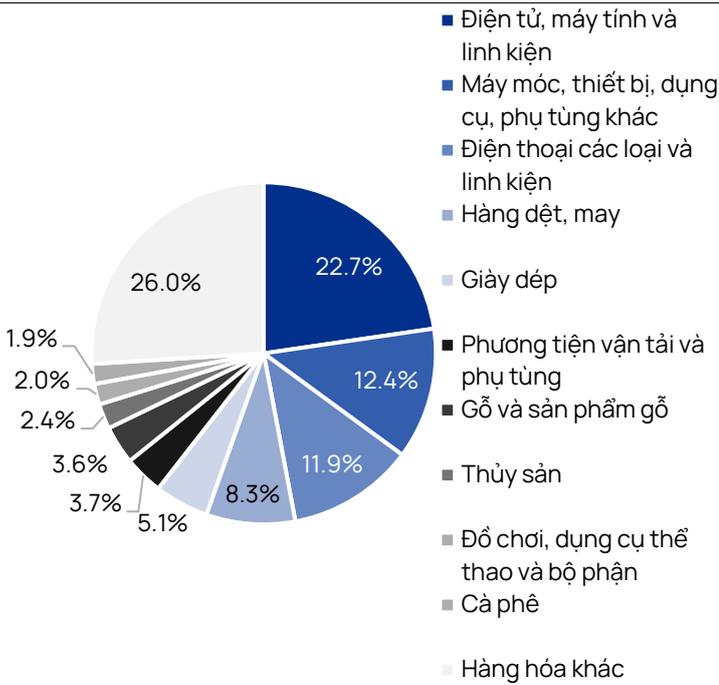
Hình 24: Nhập khẩu hàng tháng



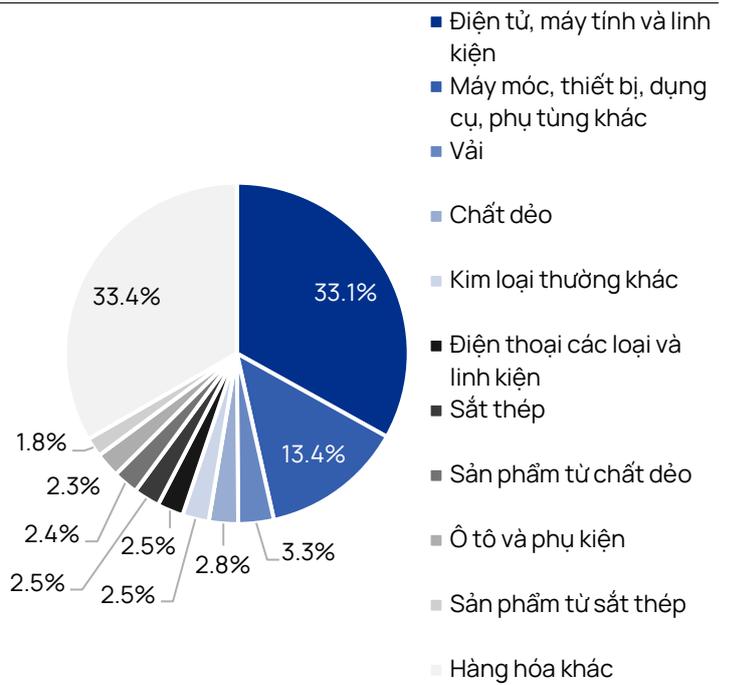
Nguồn: Cục Hải quan, Cục Thống kê, Vietcap

Nguồn: Cục Hải quan, Cục Thống kê, Vietcap

Hình 25: Các mặt hàng XK chính trong năm 2025



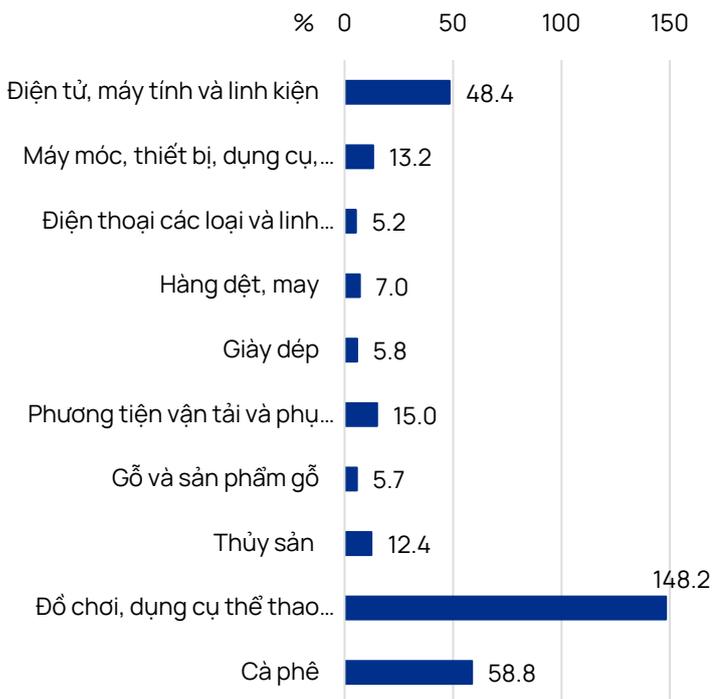
Hình 26: Các mặt hàng NK chính trong năm 2025



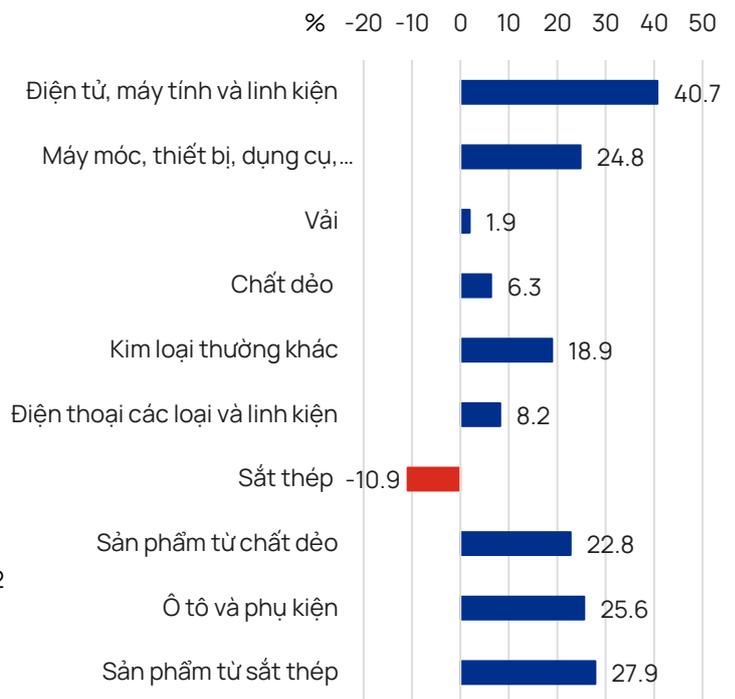
Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Hình 27: Tăng trưởng XK theo mặt hàng trong năm 2025 (% YoY)



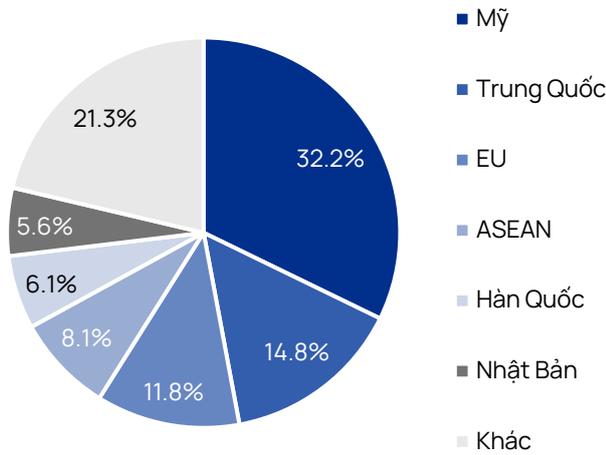
Hình 28: Tăng trưởng NK theo mặt hàng trong năm 2025 (% YoY)



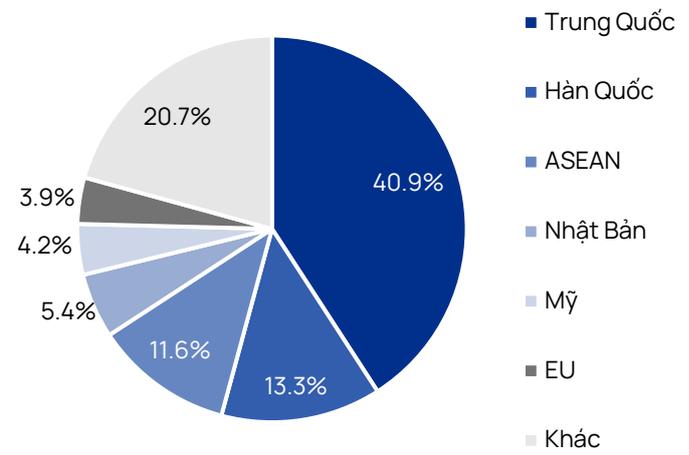
Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Hình 29: Thị trường XK chính trong năm 2025



Hình 30: Thị trường NK chính trong năm 2025



Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Lạm phát

Giá thực phẩm tăng trước kỳ nghỉ lễ cuối năm thúc đẩy lạm phát tháng 12

Trong tháng 12, chỉ số CPI tăng 0,19% MoM và 3,48% YoY, đưa CPI bình quân năm 2025 lên mức 3,31% YoY, thấp hơn mức 3,61% của năm 2024 và thấp hơn đáng kể so với mức trần mục tiêu 4,5% của Chính phủ. Đà tăng của CPI tháng 12 chủ yếu được thúc đẩy bởi giá thực phẩm tăng trước kỳ nghỉ lễ cuối năm, trong khi giá xăng dầu trong nước giảm đã giúp bù đắp áp lực lạm phát.

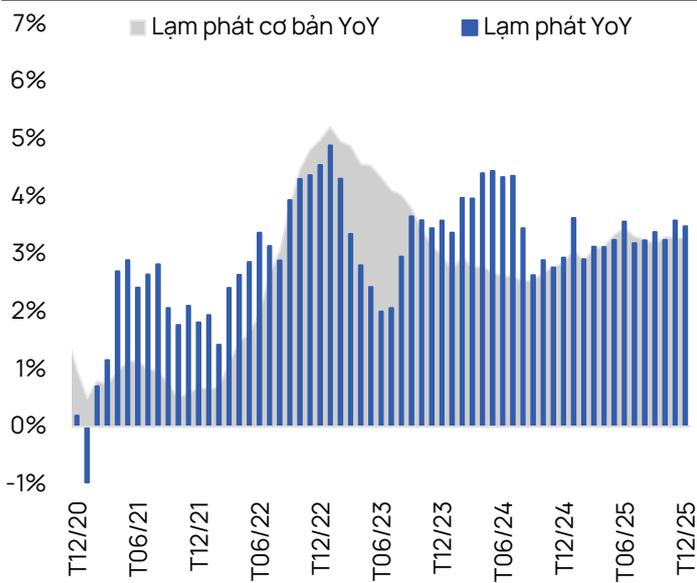
- Nhóm lương thực, thực phẩm và dịch vụ ăn uống tăng 0,75% MoM, khiến CPI chung tăng 0,3 điểm %. Mức tăng này chủ yếu do giá thực phẩm tăng 0,98% MoM (đóng góp 0,2 điểm % vào mức tăng CPI chung), một phần do nhu cầu tiêu dùng gia tăng trong dịp cuối năm và chuẩn bị cho Tết.
- Trong khi đó, nhóm giao thông giảm 1,08% MoM, giúp kiềm chế đà tăng của CPI chung khoảng 0,1 điểm %, chủ yếu do giá xăng dầu trong nước giảm 2,38%.

Hình 31: Lạm phát trong tháng 12/2025

	CPI MoM (T12/2025 so với T11/2025)	CPI YoY (T12/2025 so với T12/2024)	CPI YTD (T12/2025 so với T12/2024)	CPI bình quân (2025 so với 2024)
Lạm phát	0,19%	3,48%	3,48%	3,31%
Lạm phát cơ bản	0,23%	3,27%	N/A	3,21%

Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Hình 32: CPI



Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Hình 33: CPI theo danh mục

Nhóm ngành	Tỷ trọng	Bình quân 2024 YoY	Bình quân 2025 YoY
Tổng CPI	100%	3,63%	3,31%
Lương thực/thực phẩm & dịch vụ ăn uống	35,82%	4,03%	3,27%
Đồ uống & thuốc lá	1,75%	2,42%	2,21%
Quần áo, giày dép & mũ	3,52%	1,40%	1,30%
Nhà ở & vật liệu xây dựng	22,70%	5,20%	6,08%
Thiết bị & đồ dùng gia đình	5,14%	1,27%	1,66%
Thuốc & dịch vụ y tế	4,66%	7,16%	13,07%
Giao thông	9,98%	0,76%	-2,14%
Viễn thông	3,74%	-1,02%	-0,45%
Giáo dục	5,97%	5,37%	2,15%
Văn hóa, thể thao & giải trí	3,14%	1,97%	1,88%
Hàng hóa & dịch vụ khác	3,58%	6,56%	4,78%

Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Triển vọng: Trong tháng 1, nhu cầu tiêu dùng chung trước Tết, nhu cầu đối với lương thực, thực phẩm và dịch vụ ăn uống, cũng như nhu cầu đi lại có thể gây áp lực lên lạm phát. Tuy nhiên, giá xăng dầu trong nước có thể duy trì ở mức thấp trong tháng 1, giúp bù đắp áp lực lạm phát – giá xăng dầu trong nước bình quân từ đầu tháng 1 đến nay đã giảm 4,2% so với mức trung bình tháng 12/2025.

Chúng tôi hiện dự báo CPI bình quân năm 2026 ở mức 3,5%, thấp hơn đáng kể so với trần mục tiêu 4,5% của Chính phủ, do: (1) lạm phát toàn cầu có thể hạ nhiệt (dự báo đồng thuận ngày 05/01/2025 cho thấy CPI thế giới năm 2026 là 3,3% YoY so với 4,2% YoY năm 2025); (2) khả năng giá gạo và giá dầu thế giới giảm; và (3) việc gia hạn giảm 2% thuế GTGT và giảm 50% thuế bảo vệ môi trường đối với xăng dầu trong năm 2026, điều này có thể giúp ổn định lạm phát.

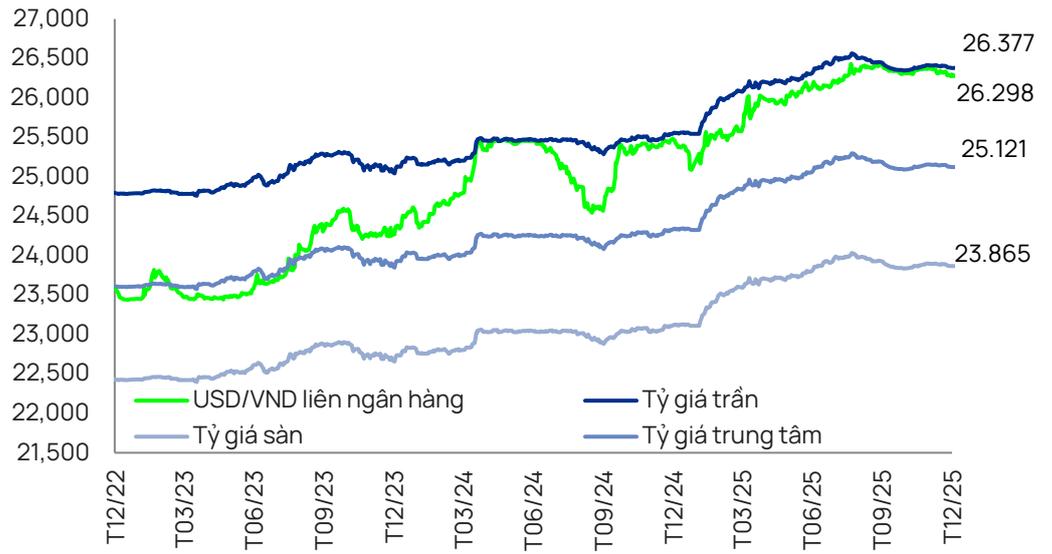
Tỷ giá

Tỷ giá USD/VND giảm trong tháng cuối năm

Trong tháng 12, tỷ giá USD/VND đã hạ nhiệt dần và đóng cửa ở mức 26.298 trên thị trường liên ngân hàng vào ngày giao dịch cuối cùng của năm, tương ứng mức giảm 0,3% so với tháng trước và tăng 3,1% cho cả năm 2025. Diễn biến của tỷ giá USD/VND trong tháng 12 được hỗ trợ bởi: (1) đợt cắt giảm lãi suất lần thứ 3 liên tiếp của Fed vào ngày 10/12; (2) nhu cầu thanh khoản VND cao trong tháng; và (3) nguồn cung ngoại tệ dồi dào từ kiều hối trước kỳ nghỉ Tết.

Triển vọng: Trong tháng 1, tỷ giá USD/VND có thể được hỗ trợ nhờ các yếu tố mùa vụ, bao gồm nguồn cung ngoại tệ từ kiều hối trước kỳ nghỉ Tết và nhu cầu thanh khoản VND tăng cao trong giai đoạn cận Tết.

Hình 34: Tỷ giá USD/VND



Nguồn: Bloomberg, Vietcap

Các chỉ báo vĩ mô

CHỈ BÁO VĨ MÔ	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025F	2026F	2027F	Đơn vị	Nguồn dữ liệu
Tăng trưởng GDP (thực)	7,4	2,9	2,6	8,5	5,0	7,0	8,0	8,5	8,8	% YoY	Cục Thống kê
GDP danh nghĩa	334	347	366	409	430	476	514	550	599	USD bn	NHTG
GDP đầu người	3.491	3.586	3.756	4179	4347	4.701	5.026	5.326	5.747	USD	NHTG
Tỷ lệ thất nghiệp	2,0	2,5	3,0	2,1	2,2	2,1	2,0	2,1	2,1	%	Cục Thống kê
Giải ngân FDI	20,4	20,0	19,7	22,4	23,2	25,4	27,6	29,0	31,0	USD bn	Cục ĐTNN
Giải ngân FDI (% GDP)	6,2	5,8	5,4	5,5	5,4	5,3	5,4	5,3	5,2	% of GDP	Cục ĐTNN
Xuất khẩu (% GDP)	80,0	82,3	92,7	92,1	82,2	85,3	92,4	96,7	101,3	% of GDP	Cục HQ, Cục Thống kê
Tăng trưởng xuất khẩu	8,4	6,9	18,9	10,6	-4,6	14,4	17,0	12,0	14,0	% YoY	Cục HQ, Cục Thống kê
Tăng trưởng nhập khẩu	7,0	3,7	26,7	8,0	-9,2	16,7	19,4	13,0	14,5	% YoY	Cục HQ, Cục Thống kê
Cán cân thương mại hàng hóa	10,9	19,9	3,3	12,1	28,4	24,9	20,1	18,0	18,0	USD bn	Cục HQ, Cục Thống kê
Dự trữ ngoại hối	78,0	94,4	107	86,0	93,0	81,2	80,0	85,0	92,0	USD bn	NHNN, NHTG
Dự trữ ngoại hối (% GDP)	23,7	27,6	30,2	21,0	21,6	17,1	15,6	15,5	15,4	% of GDP	NHNN
Lạm phát (binh quân)	2,8	3,2	1,8	3,2	3,3	3,6	3,3	3,5	4,0	% YoY	Cục Thống kê
VND tăng (trượt) giá so với USD	0,0	0,3	1,2	-3,4	-2,8	-4,8	-3,1	-2,0	-2,0	%	Bloomberg
Lãi suất trần huy động (< 6 tháng)	5,0	4,0	4,0	6,0	4,75	4,75	4,75	4,75	4,75	%	NHNN
Tăng trưởng tín dụng	13,6	12,2	13,6	14,2	13,5	15,1	17,9	17,9	16,5	% YoY	NHNN
Thâm hụt ngân sách (không tính hoàn trả nợ gốc)	-2,1	-2,7	-2,5	-4,3	-4,0	-3,1	-3,6	-4,2	-4,2	% of GDP	Bộ Tài chính
Nợ công	43,1	43,7	43,1	38,0	36,6	36-37	35-36	36-37	37-38	% of GDP	Bộ Tài chính, NHTG

Lưu ý: Vietcap là nguồn cho tất cả các dự báo – ngoại trừ thâm hụt ngân sách và nợ công trích nguồn từ Bộ Tài chính).

Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Chúng tôi, Đào Minh Quang & Hoàng Thủy Lương, xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị: Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại) / giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận cổ đồng (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên 20%
KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đồng (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dương từ 10%-20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Tổng lợi nhuận cổ đồng (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dao động giữa âm 10% và dương 10%
KÉM KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đồng (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm từ 10-20%
BÁN	Tổng lợi nhuận cổ đồng (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm trên 20%
KHÔNG ĐÁNH GIÁ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do tự nguyện hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, bao gồm khi Vietcap đang thực hiện dịch vụ tư vấn trong giao dịch sáp nhập hoặc chiến lược có liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Hình thức đánh giá này xảy ra khi chưa có đầy đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

Rủi ro: Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

Liên hệ

CTCP Chứng khoán Vietcap (Vietcap)

www.vietcap.com.vn

Trụ sở chính (1): Bitexco

Tháp tài chính Bitexco, tầng 15,
Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 3914 3588

Trụ sở chính (2): Nguyễn Huệ

Tòa nhà Vinatex, Tầng 3, Số 10 Nguyễn Huệ,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
+84 28 8882 6868

Phòng giao dịch Hàm Nghi

Tòa nhà Doji, tầng 16, số 81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 8882 6868

Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo, tầng 6
Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội
+84 24 6262 6999

Phòng giao dịch Mỹ Đình

SAP.A09 Tòa A – Chung cư cao tầng HH2-1 (The Matrix One)
Phường Từ Liêm, Tp. Hà Nội (Số 1 Lê Quang Đạo)
+84 28 8882 6868

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

Research Team: +84 28 3914 3588
research@vietcap.com.vn

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
nam.hoang@vietcap.com.vn

Ngân hàng, Chứng khoán và Bảo hiểm

Huỳnh Thị Hồng Ngọc,
Trưởng phòng, ext 138
- Vũ Thế Quân, Phó Trưởng phòng, ext 364
- Hồ Thu Nga, Chuyên viên, ext 516

Vĩ mô
Hoàng Thúy Lương
Trưởng phòng cao cấp, ext 368
- Đào Minh Quang, Chuyên viên, ext 365

Hàng tiêu dùng

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
- Bùi Xuân Vinh, Chuyên viên cao cấp, ext 584
- Lý Phúc Thanh Ngân, Chuyên viên cao cấp, ext 532
- Nguyễn Thảo Nguyên, Chuyên viên, ext 268

Dầu khí, Điện và Nước

Đinh Thị Thùy Dương
Phó Giám đốc, ext 140
- Đỗ Công Anh Tuấn, Chuyên viên cao cấp, ext 181
- Dương Tấn Phước, Chuyên viên, ext 135
- Phạm Phú Lộc, Chuyên viên, ext 549

Bất động sản

Lưu Bích Hồng
Trưởng phòng cao cấp, ext 120
- Phạm Nhật Anh, Chuyên viên cao cấp, ext 149
- Thân Như Đoàn Thực, Chuyên viên cao cấp, ext 174

Công nghiệp và Cơ sở hạ tầng

Nguyễn Thảo Vy
Trưởng phòng cao cấp, ext 147
- Nguyễn Thị Ngọc Hân, Chuyên viên, ext 191
- Hoàng Gia Huy, Chuyên viên, ext 526

Khách hàng cá nhân

Vũ Minh Đức - Phó Giám đốc, ext 363
- Nguyễn Quốc Nhật Trung, Trưởng phòng, ext 129
- Tống Hoàng Trâm Anh, Phó Trưởng phòng, ext 366
- Lê Hải Đăng, Chuyên viên, ext 570
- Võ Phan Hồng Kiệt, Chuyên viên, ext 470

Phòng Tư Vấn Đầu Tư và Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức

Anthony Le
Giám đốc
Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức
+84 28 3914 3588, ext 525
anthony.le@vietcap.com.vn

Châu Thiên Trúc Quỳnh
Giám đốc điều hành
Phòng Tư Vấn Đầu Tư
+84 28 3914 3588, ext 222
quynh.chau@vietcap.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này, Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành, Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước, Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này, Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt, Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.